

Bản án số: 19/2022/DS-ST
Ngày 29-3-2022
V/v Kiện đòi tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ DĨ AN, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Ngọc Công.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Thu Vân – Cán bộ hưu trí.
2. Ông Nguyễn Văn Hoàn – Cán bộ hưu trí.

Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Trung Hiếu, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Bà Bùi Thị Xuân Tình - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 23 và 29 tháng 3 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án Dân sự thụ lý số: 200/2021/TLST-DS ngày 19 tháng 7 năm 2021 về Tranh chấp hợp đồng vay tài sản, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 10/2022/QĐXXST-DS ngày 23 tháng 02 năm 2022, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Nguyễn Văn Ph, sinh năm 1974; địa chỉ: Nhà số S, đường A, khu Trung tâm hành chính thành phố D A, khu phố Nh Đ 2, phường D A, thành phố D A, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Võ Tấn Tr, sinh năm 1994; thường trú: Thôn H, xã T L, huyện T Ph, tỉnh Quảng Nam (văn bản ủy quyền ngày 12/01/2022); có mặt.

- *Bị đơn:* Ông Nguyễn Văn Gi, sinh năm 1974; địa chỉ: Nhà số H, đường số ML, khu Trung tâm hành chính thành phố D A, khu phố Nh Đ 2, phường D A, thành phố D A, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn: Bà Phạm Thị Hồng Th, sinh năm 1996; thường trú: Khối M, phường B Th, thành phố V, tỉnh Nghệ An và bà Huỳnh Thị Vân A, sinh năm 1994; thường trú: Thôn M, xã H Th, huyện Kr B, tỉnh Đắk Lắk (văn bản ủy quyền ngày 27/10/2021); bà Th có mặt lúc xét xử, vắng mặt lúc tuyên án; bà A có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.

- *Người bảo vệ quyền và lợi ích của bị đơn:* Ông Mai Tiến L – Luật sư Công ty Luật TNHH Hãng Luật B L thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Bình Dương; có mặt lúc xét xử, vắng mặt lúc tuyên án.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- *Theo đơn khởi kiện ngày 28/6/2021, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn ông Võ Tấn Tr trình bày:*

Do có mối quan hệ quen biết, ngày 08/5/2013 ông Nguyễn Văn Ph cho ông Nguyễn Văn Gi vay 200.000.000 đồng. Đến ngày 06/6/2013 ông Ph tiếp tục cho ông Gi vay 300.000.000 đồng, có lập giấy thỏa thuận vay tiền, thời hạn vay là 02 tháng. Tuy nhiên, sau 02 tháng thì ông Gi không trả tiền nợ gốc và lãi cho ông Ph, mặc dù ông Ph nhiều lần liên hệ với ông Gi để yêu cầu trả tiền. Vì vậy, ông Nguyễn Văn Ph khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc ông Nguyễn Văn Gi phải trả số tiền gốc 500.000.000 đồng và tiền lãi tính từ ngày 06/8/2013 cho đến ngày xét xử sơ thẩm với lãi suất 13.5%/năm (23/3/2022) là $500.000.000 \text{ đồng} \times 3574 \text{ ngày} \times 13,5\%/năm = 660.950.000 \text{ đồng}$. Tổng cộng $500.000.000 \text{ đồng} + 660.950.000 \text{ đồng} = 1.160.950.000 \text{ đồng}$.

Đối với yêu cầu phản tố của bị đơn về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản “*Yêu cầu ông Nguyễn Văn Phúc trả lại cho ông Nguyễn Văn Gi số tiền đã vay 200.000.000 đồng và không yêu cầu tính lãi*” là hết thời hiệu khởi kiện nên đề nghị Tòa án đình chỉ đối với yêu cầu phản tố của bị đơn.

Chứng cứ do nguyên đơn cung cấp: 01 (một) giấy vay tiền ngày 08/5/2013, ngày 06/6/2013.

- *Tại đơn yêu cầu phản tố ngày 09/11/2021 và bản tự khai ngày 09/11/2021, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, đại diện hợp pháp của bị đơn bà Phạm Thị Hồng Th trình bày:*

Ngày 08/5/2013, ông Nguyễn Văn Gi có vay của ông Nguyễn Văn Ph 200.000.000 đồng, đến ngày 06/6/2013 ông Gi vay tiếp ông Ph 300.000.000 đồng, tổng cộng ông Gi vay ông Ph số tiền 500.000.000 đồng, thời hạn vay là 02 tháng, với lãi suất 3%/tháng, tương đương với 15.000.000 đồng/tháng. Từ ngày 06/8/2013 cho đến tháng 5/2021, mỗi tháng ông Gi đều trả cho ông Ph 15.000.000 đồng bao gồm cả tiền lãi và gốc. Đến tháng 5/2021 do tình hình dịch bệnh covid nên công việc làm ăn kinh doanh của ông Gi không thuận lợi, kinh tế khó khăn nên không đủ tiền trả hàng tháng, ông Gi có báo cho ông Ph và ông Ph đồng ý. Vì vậy, trước yêu cầu khởi kiện của ông Ph thì ông Gi không đồng ý, đồng thời yêu cầu ông Ph trả cho ông Gi số tiền lãi suất vượt quá quy định là 371.875.000 đồng (số tiền lãi thực tế ông Gi đã trả cho ông Ph $15.000.000 \text{ đồng} \times 93 \text{ tháng} = 1.395.000.000 \text{ đồng}$; số tiền lãi ông Gi trả cho ông Ph theo đúng quy định pháp luật là $500.000.000 \text{ đồng} \times 1,125\%/tháng \times 93 \text{ tháng} = 523.125.000 \text{ đồng} + \text{tiền gốc } 500.000.000 \text{ đồng} = 1.023.125.000 \text{ đồng}$).

Ngoài ra, bị đơn có yêu cầu phản tố yêu cầu Tòa án buộc nguyên đơn trả lại số tiền đã vay 200.000.000 đồng theo giấy vay tiền ngày 12/10/2008, không

yêu cầu tính lãi và đề nghị áp dụng thời hiệu đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Chứng cứ do bị đơn cung cấp: 01 (một) giấy vay tiền ngày 12/10/2008.

- *Người bảo vệ quyền và lợi ích của bị đơn Luật sư Mai Tiến L tranh luận:* Đối với luận điểm của người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn thì người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn hoàn toàn không đồng ý bởi lẽ:

Thứ nhất, đối với khoản vay 500.000.000 đồng, lãi suất 3%/tháng, thời hạn vay là 02 tháng (từ ngày 06/6/2013 đến ngày 06/8/2013). Sau khi nhận số tiền vay 500.000.000 đồng, hết thời hạn vay thì hàng tháng ông Gi trả cho ông Ph 15.000.000 đồng, được thực hiện từ ngày 6/8/2013 đến tháng 5/2021. Từ tháng 5/2021 do tình hình dịch bệnh covid nên công việc làm ăn kinh doanh của ông Gi không thuận lợi, kinh tế khó khăn nên không đủ tiền trả hàng tháng, ông Gi có báo cho ông Ph và ông Ph đồng ý. Tổng số tiền ông Gi trả cho ông Ph là 15.000.000 đồng x 93 tháng = 1.395.000.000 đồng.

Theo quy định tại khoản 1 Điều 476 Bộ luật Dân sự năm 2005 và Quyết định số 2868/QĐ-NHNN ngày 29/11/20210 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam thì lãi suất cơ bản là 9%/năm. Như vậy, 150% lãi suất cơ bản theo quy định của Bộ luật Dân sự là 13.5%/năm tương đương với 1.125%/tháng.

Do đó, số tiền lãi ông Gi đóng cho ông Ph từ ngày 06/8/20213 đến ngày 06/5/2021 là 500.000.000 đồng x 1.125%/tháng x 93 tháng = 523.125.000 đồng. Tổng số tiền gốc và lãi ông Gi đóng cho ông Ph là 500.000.000 đồng + 523.125.000 đồng = 1.023.125.000 đồng.

Như vậy, ông Gi đã trả quá số tiền mà đáng lẽ phải trả là 1.395.000.000 đồng – 1.023.125.000 đồng = 371.875.000 đồng.

Mặc khác, ông Ph trình bày ông Gi chưa trả cho ông Ph bất kỳ khoản tiền nào. Như vậy, căn cứ vào Điều 429 Bộ luật Dân sự năm 2015 quy định thời hiệu giải quyết tranh chấp hợp đồng là 03 năm, như vậy đã vượt quá thời hiệu khởi kiện so với quy định của pháp luật.

Thứ hai, ngày 12/10/2008, ông Gi có cho ông Ph vay số tiền 200.000.000 đồng, việc vay mượn này được thể hiện thông qua biên nhận ký ngày 12/10/2008, với lãi suất 5%/tháng. Từ lúc vay đến nay, ông Ph chưa trả bất kỳ khoản tiền nào cho ông Gi. Vì vậy, ông Gi có yêu cầu phản tố yêu cầu ông Phúc trả lại số tiền vay 200.000.000 đồng và không yêu cầu tính lãi. Từ những căn cứ nêu trên, đề nghị Hội đồng xét xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Văn Ph.

2. Buộc ông Nguyễn Văn Ph trả lại ông Nguyễn Văn Gi số tiền lãi đã đóng vượt quá quy định là 371.875.000 đồng.

3. Chấp nhận yêu cầu phản tố của ông Nguyễn Văn Gi, buộc ông Nguyễn Văn Ph trả cho ông Gi số tiền vay là 200.000.000 đồng.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương:

- Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử tại phiên tòa:

Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

- Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Căn cứ vào quy định của Bộ luật tố tụng dân sự và các quy định pháp luật có liên quan đến quyền và nghĩa vụ của những người tham gia tố tụng dân sự, nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật.

- Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử đình chỉ một phần yêu cầu tính lãi của nguyên đơn và chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc yêu cầu kiện đòi tài sản; đình chỉ một phần yêu cầu phản tố về yêu cầu tính lãi và chấp nhận một phần yêu cầu phản tố của bị đơn về yêu cầu kiện đòi tài sản.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về thời hiệu khởi kiện: Ngày 05/8/2013 và ngày 06/8/2013, ông Nguyễn Văn Ph có cho ông Nguyễn Văn Gi vay tổng cộng số tiền 500.000.000 đồng, thời hạn vay là 02 tháng, đến ngày 28/6/2021 nguyên đơn ông Ph thực hiện việc khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc ông Gi trả lại tiền gốc 500.000.000 đồng và tiền lãi tính từ ngày 06/8/2013 đến ngày xét xử sơ thẩm (23/3/2022) là 660.950.000 đồng. Căn cứ vào Điều 427 Bộ luật Dân sự năm 2005 và hướng dẫn tại điểm b khoản 3 Điều 23 Nghị quyết số 03/2012/NQ-HĐTP ngày 03/12/2012 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao thì thời hiệu khởi kiện yêu cầu thanh toán tiền lãi đã hết, còn yêu cầu thanh toán tiền gốc thì không áp dụng thời hiệu.

[1.2] Về xác định quan hệ tranh chấp: Trong quá trình tố tụng, xuất phát từ việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản giữa các đương sự, nhưng do các đương sự có yêu cầu áp dụng thời hiệu đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và yêu cầu phản tố của bị đơn nên tranh chấp hợp đồng vay tài sản giữa các bên đương sự đã hết thời hiệu (quá 02 năm), vì vậy Hội đồng xét xử xác định quan hệ tranh chấp theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và yêu cầu phản tố của bị đơn là Kiện đòi tài sản.

[1.3] Về xác định tư cách tham gia tố tụng: Quá trình tố tụng, bà Khiếu Thị Tuyết Nh là vợ của ông Nguyễn Văn Ph trình bày số tiền ông Phúc vay 200.000.000 đồng là nợ riêng của ông Ph, không phải phục vụ nhu cầu của gia đình cũng như số tiền 500.000.000 đồng của ông Ph cho ông Gi vay, là tiền

riêng của ông Ph, không phải tiền chung của vợ chồng, bà không biết và cũng không liên quan. Bà Nguyễn Thị Thu H là vợ ông Nguyễn Văn Gi xác định số tiền ông Gi cho ông Ph vay 200.000.000 đồng, cũng như số tiền ông Gi vay của ông Ph 5000.000.000 đồng là tiền riêng của cá nhân ông Gi, ông Gi vay phục vụ cho việc kinh doanh riêng của ông Gi, không liên quan đến gia đình. Do đó, Tòa án không đưa bà Khiếu Thị Tuyết Nh và bà Nguyễn Thị Thu H tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan hay người làm chứng trong vụ án.

[2] Về nội dung: Các đương sự thống nhất về việc bị đơn vay của nguyên đơn số tiền 500.000.000 đồng, thời hạn 02 tháng theo giấy thỏa thuận vay tiền ngày 08/5/2013 và ngày 06/6/2013. Sự thừa nhận của các đương sự là tình tiết sự kiện không phải chứng minh theo quy định tại Điều 92 Bộ luật Tố tụng Dân sự. Đồng thời bị đơn cho rằng hàng tháng có trả cho nguyên đơn số tiền 15.000.000 đồng (tiền lãi và gốc) nhưng không có tài liệu, chứng cứ nào chứng minh cho việc trả nợ gốc và lãi này nên không cơ sở xem xét buộc nguyên đơn trả lại cho bị đơn phần tiền lãi vượt quá quy định.

[3] Về yêu cầu tính lãi của nguyên đơn: Nguyên đơn yêu cầu bị đơn thanh toán tiền lãi tính từ ngày 06/8/2013 cho đến ngày xét xử sơ thẩm (23/3/2022), với lãi suất 13.5%/năm là $500.000.000 \text{ đồng} \times 3574 \text{ ngày} \times 13.5\%/\text{năm} = 660.950.000 \text{ đồng}$. Căn cứ vào các 427 Bộ luật Dân sự năm 2005 và hướng dẫn tại điểm b khoản 3 Điều 23 Nghị quyết số 03/2012/NQ-HĐTP ngày 03/12/2012 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao là hết thời hiệu yêu cầu giải quyết nên áp dụng điểm e khoản 1 Điều 217 Bộ luật tố tụng dân sự đình chỉ yêu cầu này của nguyên đơn.

[4] Về yêu cầu phản tố của bị đơn: Theo giấy vay tiền ngày 12/10/2008, lãi suất 5%/tháng, không thỏa thuận thời hạn vay, thể hiện ông Nguyễn Văn Ph có vay của ông Nguyễn Văn Gi số tiền 200.000.000 đồng, xét thấy đại diện nguyên đơn trong quá trình tố tụng thừa nhận ông Ph có vay của ông Gi số tiền 200.000.000 đồng, tuy nhiên ông Ph thanh toán cho ông Ph xong, đến năm 2013 chính ông Gi là người vay tiền lại của ông Ph nhưng không có tài liệu chứng cứ nào chứng minh việc ông Ph trả tiền gốc và nợ lãi cho ông Gi. Đồng thời trong quá trình tố tụng, Tòa án triệu tập ông Ph và ông Gi để đối chất về việc trả nợ gốc và lãi nhưng ông Ph có đơn từ chối đối chất, còn ông Gi vắng mặt tại phiên đối chất.

[5] Về yêu cầu tính lãi đối với khoản tiền 200.000.000 đồng mà ông Nguyễn Văn Phúc vay ông Nguyễn Văn Gi. Theo đơn rút yêu cầu phản tố ngày 22/11/2021 (bút lục số 54) và tại phiên tòa, bị đơn và đại diện theo ủy quyền của bị đơn rút yêu cầu một phần yêu cầu phản tố là không tính lãi đối với số tiền mà ông Ph vay ông Gi, vì vậy Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 217 Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015 đình chỉ yêu cầu phản tố của bị đơn về việc yêu cầu nguyên đơn trả tiền lãi.

[6] Từ những phân tích trên, có căn cứ chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, đình chỉ một phần yêu cầu phản tố và chấp nhận một phần yêu cầu phản tố của bị đơn.

[7] Xét ý kiến của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp với quan điểm của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[8] Xét quan điểm của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn là có cơ sở chấp nhận một phần.

[9] Đối với người đại diện hợp pháp của bị đơn có mặt lúc xét xử nhưng vắng mặt lúc tuyên án mà không có lý do chính đáng nên Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự thì thời hạn kháng cáo của bị đơn được tính từ ngày tuyên án (29/3/2022).

[10] Về án phí dân sự sơ thẩm: Nguyên đơn phải chịu án phí trên số tiền phải trả cho bị đơn. Bị đơn phải chịu án phí trên số tiền phải trả cho nguyên đơn theo quy định của Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, Điều 92, Điều 147, Điều 217, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 427, 471, 474, 476, 477 Bộ luật Dân sự năm 2005;

Nghị quyết số 03/2012/NQ-HĐTP ngày 03/12/2012 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao;

Căn cứ Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao;

Căn cứ vào Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc yêu cầu tính lãi đối với số tiền 660.950.000 (Sáu trăm sáu mươi triệu chín trăm năm mươi nghìn) đồng.

2. Đình chỉ một phần yêu cầu phản tố của bị đơn về việc không yêu cầu tính lãi đối với khoản vay 200.000.000 (Hai trăm triệu) đồng giữa ông Nguyễn Văn Gi và ông Nguyễn Văn Ph.

3. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Văn Ph đối với bị đơn ông Nguyễn Văn Gi về việc Kiện đòi tài sản.

- Buộc ông Nguyễn Văn Gi có nghĩa vụ trả cho ông Nguyễn Văn Ph số tiền 500.000.000 (Năm trăm triệu) đồng.

4. Chấp nhận một phần yêu cầu phản tố của bị đơn ông Nguyễn Văn Giáp đối với nguyên đơn ông Nguyễn Văn Ph về việc Kiện đòi tài sản.

- Buộc ông Nguyễn Văn Ph có nghĩa vụ trả cho ông Nguyễn Văn Gi số tiền 200.000.000 (Hai trăm triệu) đồng.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chậm trả số tiền trên thì hàng tháng người phải thi hành án còn phải trả cho người được thi hành án khoản tiền lãi theo mức lãi suất qui định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

5. Án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Nguyễn Văn Ph phải chịu 10.000.000 đồng, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 22.050.000 đồng mà ông Phúc đã nộp theo biên lai thu tiền số 0003174 ngày 23/11/2021 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương. Trả lại cho ông Nguyễn Văn Ph 12.050.000 đồng tiền tạm án phí còn lại.

Ông Nguyễn Văn Gi phải chịu 24.000.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

6. Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án./.

Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA